

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 651/NSHN-KHĐT

Hà nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

V/v: Báo cáo Công bố thông tin
Công ty Nước sạch Hà Nội năm 2020

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước.

Công ty Nước sạch Hà Nội trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp năm 2020.

Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện công tác tổng hợp số liệu hàng năm theo các mẫu biểu của 81/2015/NĐ-CP, duy trì trang thông tin điện tử của đơn vị (**Website: hawacom.vn**) và công bố thông tin doanh nghiệp năm 2020 theo đúng nội dung và mẫu biểu quy định.

(Nội dung chi tiết các biểu mẫu kèm theo văn bản này)

Công ty Nước sạch Hà Nội trân trọng báo cáo./.

Nơi gửi:

- Như trên
- Sở Tài chính (để b/c)
- Sở Kế hoạch đầu tư (để b/c)
- Ban TGD Công ty
- Lưu: P.KHĐT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Hùng

Số: /NSHN- KHĐT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2020

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019 đã được Hội đồng thành viên Công ty phê duyệt tại Quyết định số 3754/HĐTV – NSHN ngày 28/12/2018).

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm trước: Sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM TRƯỚC

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019
1	Sản lượng nước sản xuất	M3	227.125.623
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.738
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	174
4	Nộp ngân sách (số thực nộp)	Tỷ đồng	362

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu (Công ty Mẹ)	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
1	Sản lượng nước sản xuất	M3	234.196.323
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.801
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	170
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	258

2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

a. Về nguồn nước:

+ Đầu nối bổ sung nguồn nước mặt sông Đuống, sông Đà vào các nhà máy Hạ Đình, Pháp Vân, trạm Bạch Mai để tiếp áp và giảm khai thác nước ngầm đưa về chế độ dự phòng an ninh nguồn nước theo Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội.

b. Về mạng lưới cấp nước:

- Xây dựng bổ sung thay thế tuyến ống D600 dọc đường Giải Phóng, Lê Duẩn từ Pháp Vân đến Khâm Thiên.

- Xây dựng MLCN cho khu vực còn lại thuộc xã Ngũ Hiệp và Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì.

- Bổ sung điểm đầu và tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho khu vực thị trấn Quang Minh, Chi Đông – huyện Mê Linh.

c. Cải tạo mạng chống thất thoát thất thu: Thực hiện mục tiêu tỷ lệ nước thương phẩm toàn Công ty đạt trên 85%, bao gồm cải tạo các ô cấp nước:

- Khu vực Đống Đa: Ô14.

- Khu vực Hai Bà Trưng: Ô21, Ô19D.

- Khu vực Cầu Giấy: Ô5 A+B, Ô5D.

- Khu vực Hoàng Mai: DMA1a – Ô19, DMA1b – Ô19, DMA2 – Ô19, Ô Đền Lừ - Hoàng Mai.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường kiểm soát và nâng cao hiệu quả quản lý chi phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tăng được doanh thu để cân đối, bù đắp chi phí gia tăng trong điều kiện giá nước chưa được điều chỉnh theo lộ trình quy định.

- Cân đối các nguồn vốn đầu tư có kết hợp với vay vốn đầu tư các công trình nguồn, mạng đúng quy định đảm bảo phát triển sản xuất kinh doanh tăng được doanh thu.

- Thỏa thuận giá mua nước sông Đuống, sông Đà để bổ sung nguồn nước cấp đảm bảo, phù hợp không cao hơn giá nước bán buôn của Thành phố đã phê duyệt.

2. Giải pháp tổ chức sản xuất - kinh doanh:

- Phát huy tối ưu năng lực sản xuất nước của các nhà máy, trạm sản xuất nước đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT

- Tiếp nhận bổ sung nguồn nước mặt gắn với công tác quản lý vận hành mạng lưới chống thất thoát thất thu bảo đảm nâng cao dần dịch vụ cấp nước, tỷ lệ nước thu tiền và doanh thu.

- Rà soát chủ động định mức kỹ thuật, lao động để tiết giảm chi phí hợp lý, nâng cao năng suất, chất lượng lao động.

- Bố trí đủ vốn, nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư, đặc biệt ưu tiên cho các dự án mở rộng phạm vi cấp nước, chống thất thoát thất thu, tăng được doanh thu ngay.

- Quan tâm chú trọng công tác quản lý phục vụ khách hàng, thỏa thuận cấp nước các dự án khu đô thị, nhà ở, chung cư,... để đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng nước nhanh nhất.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Xây dựng quy hoạch cán bộ, Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2020 – 2025 đáp ứng yêu cầu công tác cổ phần hóa và phát triển sản xuất kinh doanh bền vững.

- Đánh giá tình hình sử dụng lao động năm 2019, xây dựng kế hoạch sử dụng nhân lực năm 2020, từng bước sắp xếp lao động phù hợp với các giải pháp ứng dụng công nghệ nâng cao năng suất chất lượng lao động.

4. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:

- Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh các quy chế, cơ chế đổi mới công tác quản lý, áp dụng các giải pháp khoa học để nâng cao được năng suất, chất lượng lao động và tiết giảm chi phí hợp lý.

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ tiên tiến, cải tạo dây chuyền xử lý các nhà máy nước ngầm nâng cao chất lượng nước và đảm bảo an ninh nguồn nước.

- Nghiên cứu, đề xuất ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, dịch vụ khách hàng: Xây dựng đề án cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; Thành lập trung tâm chăm sóc khách hàng (Callcenter); Nâng cấp hóa đơn điện tử để áp dụng với các đơn vị KDNS theo sửa đổi của cơ quan thuế; Chuyển đổi hình thức ghi chỉ số đồng hồ nước bằng thiết bị Smartphone.

- Phối hợp với Công ty HyDroScan của chính phủ Bỉ thực hiện Dự án “Chuyển giao phần mềm công nghệ quản lý phát hiện rò rỉ nước sạch tại Công ty NSHN”.

5. Giải pháp về quản lý và điều hành:

- Thường xuyên rà soát các quy định, quy chế quản lý Công ty, điều chỉnh sửa đổi, xây dựng ban hành mới phù hợp với các quy định hiện hành Nhà nước. Phát huy được sự chủ động sáng tạo và mọi nguồn lực lao động, tài chính, khoa học...trong Công ty.

- Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh quy định phân cấp, hình thành các chi nhánh hạch toán độc lập theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong quá trình cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình hoạt động của doanh nghiệp theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

6. Giải pháp khác:

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, giám sát hoạt động tại Công ty và các đơn vị trực thuộc, Thực hành tiết kiệm trong chi tiêu, mua sắm, sử dụng tài sản đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, và quy định quy chế của Công ty.

- Giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, chính quyền, công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội thông qua sự phối hợp có hiệu quả hướng tới mục tiêu chung vì lợi ích của nhà nước, người lao động và sự phát triển bền vững của Công ty.

Số: /NSHN-KHĐT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2020

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

Năm báo cáo: 2019

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 03 NĂM TRƯỚC

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước (2017 – 2019):

- Sản lượng nước sản xuất: duy trì ổn định, bình quân đạt 630.000 m³/ngđ.
- Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch: năm 2019 giảm còn 14,92% (giảm 3,39% trong 3 năm).
- Tổng doanh thu: từ 1.571 tỷ đồng năm 2017 tăng trưởng lên 1.738 tỷ đồng năm 2019.
- Lợi nhuận (trước thuế): năm 2017: 284 tỷ đồng; Năm 2018: 414 tỷ đồng; Năm 2019: 174 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: từ 333 tỷ đồng năm 2017 tăng lên 362 tỷ đồng năm 2019.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:

- Hoàn thành một số các dự án: Cải tạo nâng công suất trạm Đông Mỹ lên 10.000 m³/ngđ (tăng thêm 6.500 m³/ngđ); Khoan bổ sung thay thế các giếng suy thoái tại các nhà máy Yên Phụ, Mai Dịch, Ngọc Hà, Lương Yên, nâng công suất NMN Bắc Thăng Long (c/s: 150.000 m³/ngđ), đã góp phần ổn định cấp nước các khu vực nội thành và khu vực ngoại thành Thanh Trì, Gia Lâm, Đông Anh.

- Hoàn thành các dự án cải tạo dây chuyền công nghệ, nâng cao chất lượng nước tại các nhà máy Nam Dư, thu hồi nước rửa lọc tại NMN Mai Dịch, MNN Cáo Đình

- Hoàn thành Dự án phát triển MLCN: xây dựng trạm bơm tăng áp và đường ống cấp nước cho trại tạm giam số 2 - Huyện Thường Tín - Hà Nội.

- Hoàn thành cải tạo Hệ thống cấp nước khu vực phường Thượng Cát.

- Hoàn thành dự án xây dựng mạng lưới cấp nước cho 05 xã huyện Đông Anh (14.000 hộ dân): xã Kim Nỗ, Vĩnh Ngọc, Tầm Xá, Xuân Canh và Đông Hội.

- Hoàn thành xây dựng mới mạng lưới cấp nước 4 xã huyện Mê Linh (13.500 khách hàng): Tiên Phong, Tráng Việt, Mê Linh, Đại Thịnh.

- Các dự án cải tạo mạng lưới chống thất thoát thất thu trên địa bàn các quận bảo đảm tiến độ góp phần nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước, hoàn thành các dự án Ô25 Ba Đình; Khu vực còn lại Ô7 Tây Hồ ; khu vực 1A, 1B - Ô9B Đống Đa; Ô16A Đống Đa ; DM3-Ô2 khu vực Cầu Giấy; Ô16A Đống Đa; DMA1,2 Ô3, Ô4A Cầu Giấy; Ô26, Ô27 Hai Bà Trưng, Cải tạo HTCN Nhà A12, 13, 14, 15 Tập thể ĐH Kinh tế quốc dân....

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).

- Các dự án đầu tư lớn của Công ty như phát triển mạng lưới cấp nước khu vực 5 xã huyện Đông Anh, 4 xã huyện Mê Linh đã đi vào hoạt động, tuy nhiên hiệu quả còn hạn chế, mức độ khách hàng sử dụng nước rất thấp do người dân sử dụng nước giếng khoan chưa có thói quen sử dụng nước sạch, doanh thu không đủ bù đắp chi phí.

- Hoạt động đầu tư xây dựng phát triển HTCN của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng tác động do yếu tố điều chỉnh Quy hoạch cấp nước, một số dự án phải giãn, hoãn tiến độ thực hiện. Nguồn vốn đầu tư các dự án phải cân đối điều chỉnh, ưu tiên các dự án có tính cấp bách và có khả năng phát huy hiệu quả ngay.

- Năm 2019, với việc tiếp nhận nguồn nước sông Đuống để nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước với sản lượng bình quân 54.500 m³/ngđ đã tác động ảnh hưởng đến chi phí SXKD của Công ty, bên cạnh đó Công ty phải nghiên cứu các phương án sử dụng nguồn nước mặt và phát huy tiềm năng sẵn có của các nguồn nước ngầm từ các nhà máy tự sản xuất. Đây cũng là cơ hội để Công ty NSHN cấu trúc lại mạng lưới cấp nước cho khu vực nội đô với mục tiêu nâng cấp, cải tạo mạng lưới đường ống truyền dẫn hiện có nhằm đáp ứng cấp nước cho các khu vực khó khăn về nước và đáp ứng nhu cầu cấp nước cho các khu vực có đột biến về nhu cầu cấp nước trong tương lai gần.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Tình hình thời tiết hàng năm có những diễn biến bất thường, chế độ thủy văn sông Hồng, sông Đà có nhiều biến đổi dẫn tới nguồn nước ngầm, nguồn nước mặt đều có những biến đổi bất thường cả về lưu lượng và chất lượng khai thác sản xuất, đặc biệt là vào cuối mùa khô và đầu mùa lũ.

- Thành phố đang trong quá trình đô thị hóa, triển khai thi công rất nhiều các công trình hạ tầng, giải phóng mặt bằng, hạ ngầm cáp điện... ảnh hưởng đến hệ thống

cấp nước vì vậy đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thi công hạ tầng để xử lý kịp thời các sự cố, đảm bảo an toàn hệ thống cấp nước.

- Một số nhà máy và trạm sản xuất phải giảm công suất hoặc nghỉ hẳn theo Quyết định 499/QĐ-Ttg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050 sẽ tác động ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

- Chi phí các yếu tố đầu và phục vụ sản xuất tăng, đặc biệt giá điện tăng từ tháng 3/2019 đã tác động làm tăng giá thành sản xuất nước của Công ty.

- Giá nước dự báo chưa được điều chỉnh và việc mua thêm nước sông Đuống dẫn đến nguồn lực tài chính ngày càng khó khăn, lương cơ sở tăng ảnh hưởng đến Quỹ lương của người lao động.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

Các dự án lớn xã hội hóa bổ sung nguồn nước theo quy hoạch cho Hà Nội như dự án NMN mặt Sông Đà giai đoạn II : 600.000 m³/ngđ, NMN nước mặt Sông Hồng đang triển khai và đặc biệt dự án NMN mặt Sông Đuống hoàn thành: 300.000 m³/ngđ và đảm bảo cung cấp cho Hà Nội năm 2020 và những năm tiếp theo. Hệ thống mạng lưới cấp nước ngày càng phát triển đảm bảo ổn định và nâng cao dịch vụ cấp nước cho người dân Thành phố Hà Nội.

- **Dự án xây dựng nhà máy nước mặt sông Hồng:** Công ty Nước sạch Hà Nội tham gia góp 20% vốn đầu tư xây dựng NMN mặt sông Hồng và đã được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 5611/QĐ-UBND ngày 24/10/2015. Hiện dự án đang trong quá trình triển khai.

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019
1	Sản lượng nước sản xuất	M3	224.989.710	230.084.113	229.901.764	245.730.280
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.525	1.571	1.777	1.738
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	302	284	414	174
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	347	333	418	362

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ CÁC CÔNG TY CON:

Thực hiện tái cấu trúc Công ty theo doanh nghiệp theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch của UBND Thành phố Hà Nội, tiếp tục thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 và Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội

1. Danh sách các Công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ:

- Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội

- BIỂU SỐ 2

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm báo cáo 2019		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
	Công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối									
1	Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội	568	96,64%	548,914	568	96,64%	548	568	96,64%	548

Số: /NSHN- KHĐT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2020

PHỤ LỤC VI

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	m3	221.900.672	227.125.623	102,35%	105,67%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu					
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>(Thống kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)</i>				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	trđ	1.365.506	1.402.614	102,71%	106,87%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	trđ	1.618.973	1.646.833	101,72%	106,51%

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường:

Công ty thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường. Các nhà máy, trạm sản xuất đều có bể lắng, bể lọc, bể thu hồi đạt tiêu chuẩn. Đồng thời, công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp. Định kỳ đều có sự kiểm tra giám sát của cơ quan sở Tài nguyên môi trường.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội:

Công ty phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đảng bộ công ty thực hiện các đóng góp xã hội, ủng hộ đồng bào lũ lụt, hoàn cảnh khó khăn.

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp:

Việc thanh toán cho nhà cung cấp theo đúng hợp đồng đã ký. Công ty không có các khoản nợ phải trả không có khả năng thanh toán.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng:

Việc đảm bảo chất lượng nước trên mạng là quan tâm hàng đầu của Công ty. Việc kiểm định chất lượng nước diễn ra thường xuyên trên toàn địa bàn cấp nước. Bên cạnh đó, Công ty tập trung đầu tư vào hệ thống sản xuất nước đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn của Bộ Y Tế QCVN 01:2009/BYT.

5. Quan hệ tốt với người lao động:

Người lao động tại đơn vị được đảm bảo môi trường làm việc phù hợp. Công nhân được trang bị bảo hộ, được tập huấn thường xuyên về kỹ năng nghề nghiệp cũng như chính sách của nhà nước về quyền lợi của người lao động.

Người lao động được trả lương theo hợp đồng lao động và phân công nhiệm vụ rõ ràng. Lương thanh toán đúng thời gian, đúng số tiền, không có tình trạng nợ lương nhân viên.

Công ty đảm bảo việc đóng BHXH đầy đủ cho lao động ký hợp đồng với công ty, các chính sách của BHXH được chi trả đầy đủ, đúng hạn.

6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp:

Công ty trong năm 2019 có lợi nhuận, đảm bảo an toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận trong năm được phân phối theo đúng quy định vào các quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động và tăng vốn kinh doanh.

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2020

PHỤ LỤC VII

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
					CPH						Các hình thức khác				
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
I	Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội														
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)														
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)														
	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội													Thoái vốn NN còn 0%	Công ty NSHN đang đề xuất, kiến nghị lên UBND TP HN dừng thoái vốn theo KH 168/KH-UBND ngày 12/9/2016 để thực hiện CPH cùng với Công ty Mẹ

Số: /NSHN- KHĐT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2019

PHỤ LỤC VIII

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

1. Thành viên và cơ cấu tổ chức

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và các cán bộ chủ chốt: Danh sách thành viên (thành viên độc lập, thành viên điều hành, thành viên chuyên trách, thành viên không chuyên trách, chức danh tại công ty khác do doanh nghiệp nắm giữ); nhân thân, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, công việc quản lý được giao.

Thông tin cụ thể tại Công ty Nước sạch Hà Nội tại Biểu 1 kèm theo phụ lục này

2. Kiểm soát viên Công ty

Kiểm soát viên công ty gồm 02 cán bộ : Kiểm soát viên chuyên trách và Kiểm soát viên gồm :

- Bà Hoàng Thị Thuỷ - Kiểm soát viên Chuyên trách – Sinh năm 1970 ;

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.

- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Kiểm soát viên – Sinh năm 1974

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật.

BIỂU 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ Chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại Công ty	Chức danh tại Công ty khác					
I.Hội đồng thành viên	Ông Nguyễn Trí Khoa (nghỉ hưu từ 01/04/2019)	1962	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Thành viên HĐQT Công ty CP Tháp nước Hà Nội		Kỹ sư Hoá Cử nhân kinh tế Thạc sĩ Kinh tế		Phó phòng Công ty; Giám đốc XN; Phó Giám đốc Công ty; Chủ tịch HĐTV	Chủ tịch Hội đồng thành viên
	Ông Nguyễn Bảo Vinh	1964	Tổng Giám đốc (đến 21/4/2019); Chủ tịch Hội đồng thành viên (bổ nhiệm từ ngày 22/4/2019)	Thành viên HĐQT Công ty CP Tháp nước Hà Nội				Phó giám đốc XN; Giám đốc XN; Phó Tổng giám đốc Công ty; Tổng Giám đốc Công ty	Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc

II. Tổng giám đốc	Ông Trần Quốc Hùng	1963	Phó Tổng giám đốc phụ trách, điều hành (đến 25/7/2019); Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 26/7/2019)	Thành viên HĐQT Công ty CP Nước mặt Sông Hồng; Công ty CP Nước mặt Sông Đuống)		Kỹ sư Cấp thoát nước		Trạm trưởng; Phó giám đốc XN; Giám đốc XN; Phó giám đốc Công ty; Phó Tổng giám đốc Công ty;	Phó Tổng giám đốc phụ trách, điều hành; Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc
III. Phó Tổng giám đốc	1. Ông Đặng Ngọc Hải	1968	Phó Tổng giám đốc	Chủ tịch HĐQT Công ty CP: NS số 2 HN; Thành viên HĐQT: Công ty CP ĐTXD hạ tầng NSHN		Kỹ sư Điện tử - Tin học		Giám đốc NMN Giám đốc XN Trưởng phòng Công ty Phó Tổng giám đốc Công ty	Phó Tổng giám đốc

	2. Ông Trương Tiến Hưng	1967	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 22/8/2019)	Thành viên HĐQT: Công ty CP Viwaco		Kỹ sư Cơ khí; Kỹ sư Cấp thoát nước		Phó phòng Công ty; Giám đốc XN; Trưởng phòng Công ty; Phó Tổng giám đốc Công ty	Phó Tổng giám đốc
IV. Kế toán trưởng	Ông Đỗ Phương Nam	1978	Kế toán trưởng	Thành viên HĐQT Công ty CP Tháp nước Hà Nội		Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế Thạc sĩ Kinh tế		Phó phòng Công ty; Trưởng phòng Công ty; Kế toán trưởng Công ty	Kế toán trưởng

3. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng bình quân năm 2019 của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/không chuyên trách (2)	Hệ số mức lương	Tiền lương (trồng/tháng)		Thù lao (trồng/tháng)		Tiền thưởng (trồng/tháng)	Thu nhập (trồng/tháng) (3)
					Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
1	Nguyễn Trí Khoa	Chủ tịch công ty Về hưu 1/04/2019	Chuyên trách	8.12	31	32.9		7.6		40.5
2	Nguyễn Bảo Vinh	Chủ tịch công ty 22/4/2019	Chuyên trách	7.78	30	32.6		3.0		35.6
3	Trương Tiến Hưng	Phó tổng giám đốc 22/8/2019	Chuyên trách	6.97	27	28.7		5.0		33.7
4	Trần Quốc Hùng	Tổng giám đốc 26/7/2019	Chuyên trách	7.3	27	30				30
5	Đặng Ngọc Hải	Phó tổng giám đốc	Chuyên trách	7.3	27	28.7		5.76		34.46
7	Hoàng Thị Thủy	Kiểm soát viên	Chuyên trách	7.3	27	28.7				28.7
8	Đỗ Phương Nam	Kế toán trưởng	Chuyên trách	6.97	25	26.6		1.4		28

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Lê Bích Hương



Trần Quốc Hùng

II. Các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp

Các quyết định quan trọng liên quan đến sản xuất kinh doanh như sau:

BIỂU SỐ 2

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

STT	Số văn bản	Tháng, ngày, năm	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
Năm 2019			
Quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch HĐQT Công ty			
1	179	1/28/2019	Phê duyệt KQ lựa chọn nhà thầu gói thầu số 2 thi công xây dựng cải tạo hệ thống XL thu hồi nước rửa lọc NMN Mai dịch
2	210	2/1/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành DA khoan thay thế giếng H35 Yên phụ
3	227	2/1/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành DA bổ sung nguồn nước trạm Đông mỹ
4	369	3/5/2019	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán Da cải tạo HTCN Ô 4A Cầu giấy
5	371	3/5/2019	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán Da cải tạo HTCN Ô 16A Đông đa
6	451	3/18/2019	Phê duyệt chỉ định thầu đơn vị thực hiện gói thầu tư vấn kiểm toán quyết toán hoàn thành DA cải tạo Trạm bơm II NMN Ngô Sỹ Liên
7	452	3/18/2019	Phê duyệt chỉ định thầu đơn vị thực hiện gói thầu tư vấn kiểm toán quyết toán hoàn thành DA cải tạo HTCN TT Đại học Kinh tế
8	481	3/25/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư thay ntees tuyến ống Cn DN315 đấu tăng cường trạm Thụy khuê
9	500	3/27/2019	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017
10	511	3/28/2019	Chấm dứt ủy quyền đại diện phần vốn tại Cty CP tháp nước đối với Ô Nguyễn Trí Khoa
11	512	3/28/2019	Cử Ô Đỗ Phương Nam đại diện phần vốn tại Cty CP tháp nước HN

15	527	4/1/2019	Nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí Ô Nguyễn Anh Cường XN Đồng đa
16	535	4/2/2019	Phê duyệt KQ lựa chọn nhà cung cấp gói hàng vòng bi phục vụ SXKD
17	536	4/2/2019	Phê duyệt KQ lựa chọn nhà cung cấp gói hàng ĐH điện từ DN 80 phục vụ thay thế khách hàng
20	555	4/8/2019	Thành lập hội đồng thanh lý tài sản năm 2019
23	575	4/10/2019	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung DA khoan thay thế giếng H33 Yên phụ
27	585	4/13/2019	Bổ nhiệm lại Ô Phạm Việt Phương làm Giám đốc XN Hoàng mai
28	586	4/13/2019	Bbor nhiệm lại Ô Phùng Chí Hiếu Giám đốc NMN Ngọc hà
29	595	4/16/2019	Thành lập tổ công tác tiếp nhận HTCN xã Tứ hiệp
30	599	4/17/2019	Chỉ định đơn vị kiểm toán công trình cải tạo HTCN khu vực tầng 1 Xây xen
31	600	4/17/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành công trình cải tạo HTCN khu xây xen cao tầng Quỳnh mai
32	601	4/17/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành công trình thay thế tuyến ống D600 Nguyễn Trãi
33	602	4/17/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành công trình hệ thống thu hồi nước rửa lọc NMN Cáo đình
34	603	4/17/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành công trình khoan thay thế giếng CD 10 Cáo đình
35	604	4/17/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành công trình khoan thay thế giếng CD 5 Cáo đình
36	605	4/17/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành công trình khoan thay thế giếng CD 4 Cáo đình

38	615	4/18/2019	Chi nhân dịp ngày lễ 30/4/2019
39	618	4/18/2019	Kiện toàn tổ tiếp nhận quản lý HTCN khu CNC Hòa Lạc
43	638	4/22/2019	Phê duyệt KH lựa chọn nhà cung cấp gói hàng ĐH điện từ DN 80 phục vụ thay thế khách hàng
44	648	4/23/2019	Phê duyệt HS yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói hàng cụm ĐH đo nước D15
47	730	5/8/2019	Thành lập HĐ thanh lý tài sản theo KQ kiểm kê
48	741	5/9/2019	Điều chỉnh KH vốn quý II/2019
49	947	6/6/2019	ban hành điều chỉnh định mức lao động
50	993	6/12/2019	Cử CB tham gia hội thảo quy chế đánh giá hoạt động KSV
51	1030	6/18/2019	Ban hành KH sử dụng lao động năm 2019
52	1037	6/20/2019	Phân phối lợi nhuận năm 2018
61	1080	6/26/2019	Phê duyệt KH tài chính năm 2019
62	2487	12/31/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành DA cải tạo HTCN Ô 9B quận Đống Đa
63	2486	12/31/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành DA cải tạo HTCN khu 1B Ô 9B quận Đống Đa
64	2475	12/30/2019	Điều chỉnh nhân sự hội đồng quản lý quỹ Phát triển KHCN
65	2454	12/26/2019	Giao nhiệm vụ cho XN Thiết kế thực hiện số hóa sơ đồ khách hàng DA cải tạo HTCN Ô 19 Hoàng Mai

66	2433	12/25/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành DA cải tạo hệ thống thu hồi nước rửa lọc NMN Mai Dịch
67	2432	12/25/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án di chuyển HTCN tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ
68	2431	12/25/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án tăng cường cho trạm Thụy Khuê
69	2430	12/25/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cải tạo trạm bơm II NMN Ngô Sỹ Liên
70	2429	12/25/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành DA khoan thay thế giếng H33 Yên Phụ
71	2415	12/25/2019	Chi cho viên chức QL nhân dịp tết Dương lịch 2020
72	2365	12/20/2019	Phê duyệt QT dự án hoàn thành mua sắm phần mềm QLM cho XN Ba Đình
73	2344	12/18/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư DA cải tạo hệ thống chàm Clo NMN Tương mai
74	2314	12/14/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo HTCN Ô 19 Hoàng Mai
75	2278	12/11/2019	Giao nhiệm vụ cho XN Thiết kế thực hiện số hóa sơ đồ khách hàng DA cải tạo HTCN Ô 19 Hoàng Mai
76	2214	12/3/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư DA lắp đặt điểm đầu nguồn cho xã Vân Nội
77	2211	12/2/2019	Chấp thuận phê duyệt điều chỉnh bổ sung một số nội dung công trình cải tạo HTCN Ô 7 Tây Hồ
78	2202	11/29/2019	Phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu bước chuẩn bị đầu tư DA cải tạo HTCN Ô 19 Hoàng Mai
79	2174	11/26/2019	Phê duyệt ban hành Quy chế Khoa học và CN của Cty
80	2173	11/26/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của điều lệ tổ chức Quỹ PT khoa học và CN
81	2004	11/5/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cải tạo HTCN khu Xây xen, cao tầng 08/3

82	2003	11/5/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cải tạo nâng công suất hệ thống thu hồi nước rửa lọc NMN Nam Dư
83	2002	11/5/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành mua sắm phần mềm CSDL quản lý mạng lưới phân phối cho XN Ba đình
84	2001	11/5/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án XD tầng 2 phòng làm việc trạm Bách Khoa
85	2000	11/5/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Da cải tạo nâng cấp MLCN khu TT Bách Khoa
86	1975	11/2/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án XD mái che bể lọc NMN Gia Lâm
87	1974	11/2/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án XD mái che bể lọc NMN Cáo Đình
88	1973	11/2/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án XD mái che bể lọc NMN Gia Lâm
89	1970	11/2/2019	Chấp thuận phê duyệt điều chỉnh bổ sung một số nội dung của Da cải tạo HTCN Ô 16A Đống Đa
90	1964	10/31/2019	Tăng cường kiểm tra giám sát tại DN Cty NSHN có vốn đầu tư
97	1676	10/8/2019	Phê duyệt điều chỉnh Tổng dự toán cải tạo HTCN huyện Thanh Trì
98	1650	10/4/2019	Giao nhiệm vụ cho XN Thiết kế thiết kế tuyến ống bổ sung nguồn nước cho trạm Bạch Mai
99	1561	9/17/2019	Chỉ định thầu đơn vị thực hiện gói thầu tư vấn kiểm toán quyết toán DA di chuyển tuyến ống CN Phám Vân- Cầu Giẽ
104	1518	9/12/2019	Phê duyệt chỉ định thầu đơn vị tư vấn khảo sát, thu thập số liệu lập HS đề xuất phương án đầu tư đầu nối, bổ sung nguồn nước cho các NMN
105	1500	9/10/2019	Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, lập báo cáo KTKT dự án XD tuyến ống CN bổ sung nguồn cho trạm CN Bạch Mai
106	1483	9/7/2019	Cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư XD tuyến ống cấp nước cho trạm Bạch Mai

109	1272	7/29/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành lắp bổ sung 02 bộ bơm cho trạm bơm dâng
110	1271	7/29/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành lắp bổ sung bơm trạm Đông Mỹ
111	1270	7/29/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành XD mái che khu bể lọc NMn Gia lâm
112	1269	7/29/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành Inhà để xe thành nhà kho NMN Ngọc hà
113	1268	7/29/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành cải tạo tuyến ống khu mTT Văn công Mai dịch
114	1267	7/29/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành lắp bơm tiếp áp đường Văn Tiến Dũng
115	1266	7/29/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành đấu tăng cường nguồn nước cho KĐT Nam Trung Yên
116	1265	7/29/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành lắp bơm tiếp áp đường Phú Diễn
117	1264	7/29/2019	Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành lắp đặt tuyến ống phân phối cho khu TT 379
118	1239	7/20/2019	Phê duyệt chấp thuận điều chỉnh bổ sung một số nội dung các hạ mục công trình nâng công suất NMN bắc Thăng Long
119	1187	7/8/2019	Kiện toàn HĐ thanh lý xử lý vật tư kiểm kê năm 20149
120	1170	7/6/2019	Xin thẩm định và phê duyệt KQ chỉ định thầu gói thầu số 3 đấu nối tuyến ống D700 đường 5 kéo dài
121	1153	7/3/2019	Phê duyệt điều chỉnh DA cải tạo HTCEN Ô 7 Tây hồ
122	1137	7/1/2019	Phê duyệt HS yêu cầu công tác xây lắp gói thầu số 3 đấu nối CN tuyến D700 đường 5 kéo dài

BIỂU SỐ 3

THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TT	Thành viên HĐQT hoặc chủ tịch Công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
I. Năm 2018						
1	Nguyễn Bảo Vinh	Chủ tịch HĐQT	78			100%
2	Trần Quốc Hùng	TV HĐQT	78			100%

BIỂU SỐ 4

THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	530	1/4/2019	Chỉ tiêu KH tài chính năm 2019
2	1031	18/6/2019	Phê duyệt KH quỹ tiền lương năm 2019
3	2400	24/12/2019	Phân phối lợi nhuận các năm 2017,2018 của Cty
4	1990	4/11/2019	Thống nhất phương án đề xuất điều chỉnh vốn điều lệ Cty
5	1989	4/11/2019	Dự toán chi phí công tác CPH Cty

III. Hoạt động của Kiểm soát viên:

- Lập báo cáo đánh giá kết quả công tác năm 2018 và các báo cáo kiểm soát khác năm 2019 gửi UBND Thành phố Hà Nội.

- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu trong quản lý điều hành công việc sản xuất, kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

+ Bảo toàn và phát triển vốn;

+ Chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo quy định; Chấp hành các nội quy, quy định của Công ty;

+ Việc quản lý vốn và tài sản của Công ty; quản lý vốn đầu tư của Công ty tại các Công ty CP; Kiểm tra tiến độ thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội, tiến độ thoái vốn tại các Công ty cổ phần có vốn góp của Công ty NSHN theo kế hoạch của UBND Thành phố;

+ Kiểm tra thực hiện chế độ tài chính, nghĩa vụ nộp ngân sách, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty;

+ Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nợ quá hạn, sản phẩm công ích theo Quyết định của UBND Thành phố giao năm 2018;

+ Kiểm tra thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty;

+ Kiểm tra tình hình thực hiện các nghĩa vụ chính sách của pháp luật bao gồm các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác;

+ Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt sản xuất kinh doanh trên địa bàn được UBND Thành phố giao;

+ Kiểm tra thực hiện công bố thông tin theo Quy định tại NĐ 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015; Công khai thông tin tài chính theo NĐ 87/2015

-Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo thường niên của Hội đồng Thành viên gửi UBND Thành phố và các Sở, Ngành có liên quan.

BIỂU SỐ 5

THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	81/BC-KSVNSHN	15/01/2019	Báo cáo quý IV và năm 2018
2	182/NSHN-KSV	28/01/2019	Chương trình công tác năm 2019
3	Báo cáo	16/03/2019	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 của KSV
4	18/ -KSV	15/04/2019	Báo cáo quý I năm 2019
5	Báo cáo	02/07/2019	Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2018
6	Báo cáo	02/07/2019	Báo cáo thẩm định báo cáo Quyết toán Quỹ tiền lương năm 2018
7	Báo cáo	15/07/2019	Báo cáo 6 tháng năm 2019
8	Báo cáo	16/10/2019	Báo cáo quý III năm 2019

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Danh sách các bên có liên quan của doanh nghiệp.
 - Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội
 - Công ty CP ĐTXD Hạ tầng Nước sạch Hà Nội
 - Công ty CP Viwaco

- Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

- + Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nợ quá hạn, sản phẩm công ích theo Quyết định của UBND Thành phố giao năm 2018;
 - + Kiểm tra thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty;
 - + Kiểm tra tình hình thực hiện các nghĩa vụ chính sách của pháp luật bao gồm các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác;
 - + Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt sản xuất kinh doanh trên địa bàn được UBND Thành phố giao;
 - + Kiểm tra thực hiện công bố thông tin theo Quy định tại NĐ 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015; Công khai thông tin tài chính theo NĐ 87/2015
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo thường niên của Hội đồng Thành viên gửi UBND Thành phố và các Sở, Ngành có liên quan.

BIỂU SỐ 5

THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	81/BC-KSVNSHN	15/01/2019	Báo cáo quý IV và năm 2018
2	182/NSHN-KSV	28/01/2019	Chương trình công tác năm 2019
3	Báo cáo	16/03/2019	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 của KSV
4	18/ -KSV	15/04/2019	Báo cáo quý I năm 2019
5	Báo cáo	02/07/2019	Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2018
6	Báo cáo	02/07/2019	Báo cáo thẩm định báo cáo Quyết toán Quỹ tiền lương năm 2018
7	Báo cáo	15/07/2019	Báo cáo 6 tháng năm 2019
8	Báo cáo	16/10/2019	Báo cáo quý III năm 2019

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách các bên có liên quan của doanh nghiệp.
 - Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội
 - Công ty CP ĐTXD Hạ tầng Nước sạch Hà Nội
 - Công ty CP Viwaco
2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BIỂU SỐ 6

THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Chỉ nêu tóm tắt các giao dịch quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội	Bán buôn nước sạch	90.517.954.433
2	Công ty CP ĐTXD Hạ tầng Nước sạch Hà Nội	- Cty Hạ tầng mua từ Cty NSHN	234.0810137
3	Công ty CP Viwaco	Thuê tài sản đường ống của Cty NSHN	2.361.188.194

Số: /NSHN- KHĐT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2020

PHỤ LỤC X
BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH
NGHIỆP NĂM 2019

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp:

- a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp:
- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người lao động
 - Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp.

Trả lương theo kết quả sản xuất kinh doanh.

- b) Quỹ tiền lương kế hoạch:

Quỹ lương kế hoạch của người lao động và Quỹ lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp

Quỹ tiền lương kế hoạch được duyệt, cơ sở tính quỹ tiền lương kế hoạch theo từng năm (có báo cáo cụ thể kèm theo, cơ sở tính theo nghị định 51, 52/2016- NĐCP và thông tư 26, 27/TT-BLĐTBXH).

- c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp:
Doanh nghiệp tự xây dựng cơ chế trả lương nội bộ của đơn vị trên nguyên tắc kết quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo (2018)		Năm báo cáo 2019
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP				
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	2.318	2.187	2.308
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	9.227	8.673	8.677

3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	255.563	228.302	236.300
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	42	42	34
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	12.777	12.173	11.510
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	7	6.6	6
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	27.7	27.5	27.7
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	2.217	2.088	2.004
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	26.4	26.4	27.8
5	Quỹ tiền thưởng				
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng			
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng			

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Lê Bích Hường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Hùng